

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 403/2024/DS-PT

Ngày: 09/5/2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”,

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Mai Thị Mỹ Tiên**

*Các Thẩm phán:* 1. Bà **Trần Thị Thủy**

2. Bà **Lê Thị Mỹ Nhung**

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Trần Võ Quỳnh Ngọc** - Thư ký  
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*  
Ông **Tào Minh Quân**- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02/5/2024 và 09/5/2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2024/TLPT-DS ngày 02 tháng 02 năm 2024, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 221/2023/DS-ST ngày 24/11/2023 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2024/TLPT-DS ngày 13/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 616/2024/QĐ-PT ngày 04/4/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Mai C**, sinh năm 1985

Địa chỉ: I L, khu phố D, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã C, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ liên lạc: A C, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phạm Thanh P (có mặt) và Luật sư Võ Thị Xuân T1 (xin vắng mặt)- Công ty L1, Đoàn Luật sư Thành phố H

- *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T4.

Địa chỉ trụ sở chính: 4 Hậu Giang, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Khou K, sinh năm 1945.

Chức danh: Giám đốc

Địa chỉ thường trú: B M, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Xuân L, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: E N, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Tang S**, sinh năm 1980

Địa chỉ thường trú: B M, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Xuân L, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: E N, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện ngày 01/6/2023 và Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 04/8/2023, quá trình giải quyết vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mai C trình bày:*

Bà C thông qua mối quan hệ bạn bè với ông Tang S nên biết Công ty TNHH một thành viên T4 (sau đây gọi tắt là Công ty T4) do bà Khou K (là mẹ của ông Tang S) làm đại diện theo pháp luật có nhu cầu vay số tiền 700.000.000 đồng để đáo hạn tiền vay tại Ngân hàng TMCP S1. Trước đề nghị được vay số tiền trên của bà Khou K nên bà C đã đồng ý, việc cho vay tiền hai bên chỉ thực hiện bằng lời nói, không có lập thành văn bản, theo đó vào bà C đã chuyển số tiền 700.000.000 đồng từ số tài khoản 1157010001877 của bà C tại Ngân hàng TMCP X (C2) vào số tài khoản 060203390338 của Công ty T4 tại Ngân hàng TMCP S1 (Sacombank-HCM) với nội dung chuyển khoản là: “*Nguyễn Thị Mai C đáo hạn NH S2*” theo Phiếu ủy nhiệm chi số CT: 115000124 ngày 11/9/2020 của Ngân hàng TMCP X (C2) – P1, thời hạn vay là 10 ngày kể từ ngày chuyển khoản, không có lãi.

Do hết thời hạn cho vay nhưng phía Công ty T4 không thực hiện việc trả nợ cho bà C, mặc dù bà C đã nhiều lần đến làm việc với Công ty T4 để yêu cầu trả lại cho bà số tiền 700.000.000 đồng, phía Công ty đã nhiều lần hứa hẹn nhưng không trả tiền cho bà. Ngày 26/5/2023, bà C có Thông báo yêu cầu Công ty V T2 thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà với hạn chót là ngày 30/5/2023. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bà C tiếp tục có Thông báo yêu cầu Công ty V T2 thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà với hạn chót là ngày 03/8/2023. Tuy nhiên đến nay Công ty T4 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mai C yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 6 giải quyết buộc bị đơn Công ty T4 trả một lần số tiền gốc còn thiếu là 700.000.000 đồng và số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tính từ ngày 04/8/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 10%/năm.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 221/2023/DS-ST ngày 24/11/2023 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty TNHH một thành viên T4 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Mai C tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 721.671.232 (Bảy trăm hai mươi một triệu, sáu trăm bảy mươi một nghìn, hai trăm ba mươi hai) đồng, trong đó số tiền gốc là 700.000.000 đồng, số tiền lãi do chậm thực hiện hiện nghĩa vụ trả tiền tính từ ngày 04/8/2023 đến ngày 24/11/2023 là: 21.671.232 đồng.

Thời hạn thanh toán là ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Mai C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH một thành viên T4 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành án tại cơ quan Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự cũng như các quy định về thi hành án dân sự.

Ngày 20/12/2023 và 22/12/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ông Tang S và bị đơn kháng cáo, cùng yêu cầu sửa bản án sơ thẩm- không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bởi vì khoản tiền này đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị giữ y bản án sơ thẩm.

Đại diện theo ủy quyền của người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các thành viên Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận định rằng có căn cứ về việc nguyên đơn chuyển tiền cho bị đơn; nguyên đơn cũng đã thông báo đòi tiền, nhưng bị đơn vẫn không trả, nên yêu cầu tính lãi là có cơ sở chấp nhận. Bị đơn và ông Tang S kháng cáo cho rằng số tiền 700 triệu đồng đã được giải quyết bằng bản án số 183/2023/DS-ST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận 6 đã có hiệu lực pháp luật, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh; Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ y bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa của các đương sự, của Luật sư và ý kiến phát biểu của vị Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hình thức và thời hạn kháng cáo: Ngày 24/11/2023, Tòa án nhân dân Quận 6 đưa vụ án ra xét xử và ban hành Bản án số 221/DS-ST, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Ngày 08/12/2023 bị đơn nhận được bản án, đến ngày 21/12/2023 và 22/12/2023 bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- ông Tang S nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015, thì kháng cáo còn trong hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận xem xét.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo:

[2.1] Nguyên đơn xác định có cho bị đơn vay số tiền 700.000.000 đồng trong thời hạn 10 ngày. Xét hai bên không lập hợp đồng vay, nhưng qua đối chiếu sao kê số phụ tài khoản số 1157010001877 của bà Nguyễn Thị Mai C tại Ngân hàng TMCP X – Phòng G ngày 19/7/2023, có thực hiện giao dịch chuyển khoản số tiền 700.000.000 đồng (số giao dịch 115000124 ngày 11/9/2020), với diễn giải “SS NGUYEN THI MAI CHI DAO HAN NH S2”.

Tại Công văn số 522/2023/CV-CNBT ngày 15/8/2023 của S2– Chi nhánh B xác định Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T4 cung cấp sao kê chi tiết giao dịch của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T4 vào ngày 11/9/2020, theo đó đã xác nhận số tiền giao dịch 700.000.000 đồng, số giao dịch: FT202554LCX7\BNK, nội dung diễn giải: *NGUYEN THI MAI CHI DAO HAN NH S3*.

Đồng thời, tại Công văn số 684/2023/CV-CNBT ngày 16/10/2023, S2 cũng cung cấp thông tin: “*Ngày 11/9/2020 Công ty T4 có thực hiện giao dịch số TT20255CQZ80 với nội dung CK TT LD2007100582 - C3 THAI THANH*” và *giao dịch số TT20255SMBVB với nội dung “CK THANH TOAN LD2007000687 - C3 THAI THANH”*.

Vậy có căn cứ xác định nguyên đơn chuyển tiền 700.000.000 đồng cho bị đơn, bị đơn đã nhận và sử dụng số tiền này của nguyên đơn. Tuy nhiên bị đơn không thừa nhận có yêu cầu vay tiền và nguyên đơn cũng không chứng minh được việc thỏa thuận vay tiền giữa hai bên, nên có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên không phải là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” mà là “Đòi tài sản”; Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn hoàn trả lại số tiền đã nhận là có cơ sở, nhưng về yêu cầu tính lãi thì không có căn cứ để chấp nhận, vì lẽ đó cần sửa bản án sơ thẩm về nội dung này.

Người kháng cáo trình bày rằng số tiền 700.000.000 đồng đã được giải quyết bằng bản án dân sự sơ thẩm có hiệu lực số 183/2023/DS-ST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng lại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này.

[3] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là chưa phù hợp; đồng thời chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn và ông Tang S.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa chấp nhận.

Nguyên đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu tính lãi không được chấp nhận, án phí là 1.083.562 đồng.

[5]. Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T4 và ông Tang S không phải chịu.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 148; Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Một thành viên T4 và ông Tang S.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 221/2023/DS-ST ngày 24/11/2023 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bị đơn- Công ty TNHH Một thành viên T4 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Mai C tổng số tiền 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi với số tiền 21.671.232 (Hai mươi một triệu, sáu trăm bảy mươi một nghìn, hai trăm ba mươi hai) đồng.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty TNHH Một thành viên T4 phải chịu 32.000.000 (Ba mươi hai triệu) đồng.

- Bà Nguyễn Thị Mai C phải chịu 1.083.562 (Một triệu, không trăm tám mươi ba nghìn, năm trăm sáu mươi hai) đồng; C1 trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 19.288.800 (Mười chín triệu, hai trăm tám mươi tám nghìn, tám trăm) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0013338 ngày 06/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Nguyễn Thị Mai C được nhận lại 18.205.238 (Mười tám triệu, hai trăm lẻ năm nghìn, hai trăm ba mươi tám) đồng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn và ông Tang S không phải chịu.

H lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T4 đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0038738 ngày 26/12/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

H lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà ông Tang S đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0038739 ngày 26/12/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự thi hành án theo các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA  
PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Mỹ N**

**Trần Thị Thủy Mai Thị Mỹ T3**

**Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 6;
- Chi cục THADS Quận 6;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Thị Mỹ Tiên**



## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**



**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA  
PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Mỹ Nhung Lê Thị Anh M**

**Mai Thị Mỹ T3**